TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HC-PT
Ngày: 12 - 01 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp yêu cầu cấp giấy chứng nhận.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 623/2023/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp yêu cầu cấp giấy chứng nhận"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1853/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1977/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Hữu Th, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thanh L – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường L2, khu phố G, thị trấn C1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trương Tiến Tr – Phó Chủ tịch UBND huyện C. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Linh Ph – Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. (có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị B, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Người kháng cáo*:** Ủy ban nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khu đất ông Lê Hữu Th và bà Đặng Thị B yêu cầu cấp giấy chứng nhận có diện tích 7.080,5m^2 thuộc thửa 31, 310 tờ bản đồ số 71 (BĐĐC năm 2005), tọa lạc tại xã L1, huyện C (gọi là Khu đất 7.080,5m^2).

Ngày 26/6/2017, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C ban hành Văn bản số 2524/UBND về việc trả lời hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Th, bà B. Không đồng ý Văn bản 2524/UBND ông Th khiếu nại với Chủ tịch UBND huyện C.

Ngày 01/12/2017, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 1454/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Th, nội dung không công nhận đơn khiếu nại của ông Th đối với Văn bản số 2524/UBND. Không đồng ý với Quyết định số 1454/QĐ-UBND, ông Th thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người khởi kiện ông Lê Hữu Th trình bày:

Năm 1982, gia đình ông Th vào Hợp tác xã Nông Ngư Nghiệp tại xã L1, sau đó đổi tên là Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H, xã L1, huyện D (huyện C). Vì là xã viên Hợp tác xã nên gia đình ông Th được UBND xã L1 cấp cho 1ha đất hoang hóa tọa lạc tại xã L1 để nuôi tôm theo Đơn xin đất đề ngày 25/03/1989. Sau khi được chấp thuận, ông Th tiến hành ngăn rạch, đắp đê, đào ao, làm cống lấy nước nuôi thủy sản, trồng cây hàng năm, cây lâu năm và xây dựng nhà ở tạm. Năm 1991, ông Th làm hợp thức hóa phần đất làm nhà ở tạm và được UBND huyện D công nhận 528m^2 là đất thổ cư theo Quyết định số 146/QĐ-UBH ngày 17/5/1991. Ngày 30/12/1994, UBND huyện C cấp Giấy phép xây dựng số 112/GPXD-UB, từ giấy phép này ông Th xây dựng nhà ở riêng lẻ trên phần đất 528m^2. Khu đất xin nuôi tôm còn lại ông Th tiếp tục sử dụng làm nông nghiệp như nuôi thủy sản; trồng đước và tràm.

Khoảng năm 2002, UBND huyện C thực hiện Dự án Cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, trong cả khu đất 01ha của ông Th bị ảnh hưởng một phần gồm: đất ở, đất nông nghiệp, các công trình phụ trên đất và một số cây lâu năm theo Quyết định bồi thường số 114/QĐ-UB ngày 27/01/2005 của UBND huyện C. Phần diện tích đất ở còn lại ông Th được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số H00577 ngày 28/6/2005. Sau đó, ông Th xin phép xây dựng nhà kiên cố nhưng không được chấp nhận vì toàn khu đất xung quanh đó đều nằm trong Dự án khu dân cư biệt thự - du lịch T theo Quyết định phê duyệt đồ án 483/QĐ-UB ngày 21/9/2004 và Thông báo giải tỏa mặt bằng số 44/TB-UB ngày 15/10/2004 cùng của UBND huyện C. Từ nguyên nhân này ông Th chỉ được cấp giấy phép số 21/GPXDT ngày 21/7/2005 để xây dựng nhà tạm. Do xây tạm nên cơn bão số 6 cuối năm 2006 đã làm nhà bị sập hoàn toàn.

Ngày 08/6/2012, UBND huyện C ban hành Văn bản số 1005/UBND về việc thông báo xóa quy hoạch đối với Dự án T và cho phép các hộ dân trong dự án được đăng ký quyền sử dụng đất. Theo ông Th, khu đất 7080,5m^2 trên đủ điều kiện được cấp giấy theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, việc UBND huyện C trả hồ sơ không xem xét cấp giấy cho ông Th là vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Th. Vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản 2524/UBND và Quyết định 1454/QĐ-UBND.

Tại Văn bản số 3680/UBND ngày 20/9/2018, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có ông Trương Tiến Tr đại diện theo ủy quyền, có ý kiến:

Đối chiếu với hồ sơ lưu trữ: Ngày 16/9/1989, ông Th có đơn xin đất làm nhà và được UBND xã L1 chấp thuận. Đến năm 1991, UBND huyện C ban hành Quyết định 146/QĐ-UBH giao cho ông Th 528m^2 đất ở tọa lạc tại 34^{-69B} ấp L. Năm 2004, bị ảnh hưởng trong Dự án R với diện tích 396m^2, phần đất còn lại 132m^2 ông Th được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00577.

Khu đất 7.080,5m^2 nằm giáp ranh với 2 khu đất ở đã cấp giấy trên, qua đối chiếu với hồ sơ lưu, tài liệu liên quan đến khu đất, đã xác định được:

Bản đồ địa chính thành lập năm 2005, gồm các loại đất: đất rạch; mặt nước hoang (M/hg); hoang bằng (Hg/b).

Năm 2009, UBND huyện C đưa khu đất trên vào danh mục đất do UBND xã L1 quản lý theo Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 17/8/2009.

Năm 2016, ông Th lập thủ tục xin cấp giấy và được UBND huyện C trả lời tại Văn bản 2524/UBND là không đủ điều kiện cấp giấy.

Hiện trạng khu đất: có một phần đất ao có cây đước mọc bên trong, một phần đất trãng rạch trũng thấp có trồng cây đước.

Qua kết quả xác minh: Vào khoảng năm 2008, ông Th có đắp bờ tạo thành ao một phần diện tích nhưng không sử dụng cho đến nay, việc đắp bờ không bị xử lý vi phạm hành chính. Trong ao, ông Th có trồng một phần cây đước vào năm 2009, phần diện tích còn lại là trãng rạch trũng thấp ông Th bao chiếm trồng cây đước vào khoảng năm 2016.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì hộ gia đình, cá nhân phải sử dụng đất ổn định trước ngày 01/7/2004 được UBND xã xác nhận không tranh chấp thì mới được công

nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp của ông Th sử dụng đất sau ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện cấp giấy, từ cơ sở này UBND huyện C ban hành Quyết định 1454/QĐ-UBND trả lời khiếu nại cho ông Th theo hướng không chấp nhận nội dung khiếu nại.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 07/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị B trình bày: Bà là vợ của ông Lê Hữu Th, bà đồng ý với ý kiến của ông Th.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1853/2019/HC-ST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Th.

Hủy Văn bản số 2524/UBND ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gửi cho hộ ông Lê Hữu Th, bà Đặng Thị B;

Hủy Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hữu Th, cư trú ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải có trách nhiệm nhận lại hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lê Hữu Th – bà Đặng Thị B và xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/12/2019, người bị kiện UBND huyện C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 432/2020/HC-PT ngày 24/8/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1853/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện C có đơn đề nghị xem xét lại bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 12/2023/KN-HC ngày 16/02/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 28/2023/HC-GĐT ngày 19/5/2023, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/2023/KN-HC ngày

16/02/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 432/2020/HC-PT ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 432/2020/HC-PT ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 02/10/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Th.

Người khởi kiện ông Lê Hữu Th và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Th đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND huyện C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND huyện C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của UBND huyện C làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung:

Ngày 27/4/2016, ông Lê Hữu Th nộp đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 7.080,5m^2 gồm thửa 31 và thửa 310, tờ bản đồ số 71, bản đồ địa chính năm 2005, tọa lạc tại xã L1, huyện C Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Th cho rằng phần diện tích đất ông yêu cầu được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất là phần đất trước đây ông đã được xã giao cho để nuôi tôm theo Đơn xin đất nuôi tôm ngày 25/3/1989 và được Ủy ban nhân dân xã L1 chấp thuận. Tuy nhiên, trong đơn xin đất nuôi tôm nêu trên không thể hiện rõ tứ cận, chỉ có nội dung "1 mẫu đất khu đất ở sông L gần đường mới đắp và con kênh ở đường mới L1, khu vực cầu H1". Tài liệu có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở để kết luận phần đất ông Th xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đúng là phần đất trước đây ông được giao nuôi tôm hay không. Mặt khác, phần ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân xã L1 như nêu trên không phải là quyết định về việc giao đất và theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Đất đai năm 1987 thì Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là cơ quan có thẩm quyền giao đất.

Quá trình sử dụng đất, ông Th không đăng ký kê khai việc sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Lời khai của một số người dân sống trong khu vực trình bày về thời gian ông Th sử dụng đất còn có nhiều mâu thuẫn; có người khai ông Th sử dụng đất để trồng đước từ năm 2007-2008, có người khai không sử dụng gì. Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 10/8/2017 có chữ ký của ông Th thể hiện: có 2 ao nuôi trồng thủy sản liền kề nhưng hiện tại không nuôi trồng thủy sản; trong ao có mắm, đước đường kính 0,1cm đến 0,5cm, cao khoảng từ 0,5m đến 0,6m cùng một số cây đước mới trồng; ngoài phạm vi ao còn có một số cây đước khoảng 01 năm tuổi. Biên bản này cũng phù hợp với bản mô tả ranh giới mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất năm 2015 chỉ bao gồm mặt nước, mắm, đước.

Ông Th cung cấp các biên lai nộp thuế sử dụng đất nhưng không rõ việc nộp thuế cho các thửa đất nào, vì ngoài phần đất ông Th cho rằng là đất nuôi tôm và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, ông Th còn sử dụng các thửa đất khác đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư vào năm 1991; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm khác vào năm 2003. Mặt khác, theo Bản đồ trích đo năm 2007 thể hiện phần đất ông Th yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng với đất KH 22 (Kế hoạch số 22/KH-UBND được Ủy ban nhân dân huyện C phê duyệt tại Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 17/8/2009).

Tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th, Ủy ban nhân dân xã L1 xác nhận là "đất công theo Kế hoạch 22/KH-UBND được Ủy ban nhân dân huyện C phê duyệt tại Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 17/8/2009; ông Th trực tiếp sản xuất nông nghiệp; thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký sử dụng từ năm 1996 đến năm 2001 thì không sử dụng đến nay; đất không có tranh chấp; phù hợp quy hoạch". Người có đất liền kề với đất của ông Th không ký giáp ranh với lý do không đúng ranh đất.

Như vậy, có cơ sở để xác định mặc dù ông Th có quá trình sử dụng đất nhưng việc sử dụng đất không ổn định, liên tục (sử dụng từ năm 1996 đến 2001 thì không sử dụng nữa), sau này ông Th mới quay lại trồng một số cây đước, mắm (nhiều cây được xác định là mới trồng); quá trình sử dụng đất không đăng ký kê khai, không chứng minh được việc đã thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C trả lại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất của ông Th là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng *"theo Quyết định số 815 thì chỉ có thửa 31, không có thửa 310, mặc dù UBND huyện C đã có quyết định quản lý đất đai, nhưng thực tế từ năm 2009 đến nay UBND xã L1 chưa thực hiện quyết định"*; đối với thửa 310 do ông Th *"sử dụng ổn định, lâu dài không có quyết định nào của UBND điều chỉnh... đối với thửa 31, hộ ông Th có sử dụng từ năm 1993... nếu UBND thu hồi đất để thực hiện theo Dự án thì phải xem xét công sức đầu tư của ông Th, nếu không thực hiện theo Dự án thì cũng phải xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th",* từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, hủy Văn bản số 2524/UBND ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện C về giải quyết khiếu nại của ông Th; buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th là không đủ căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của UBND huyện C là có căn cứ chấp nhận; cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Th.

[3] Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Hữu Th phải chịu; tuy nhiên do ông Th là người cao tuổi nên được miễn. UBND huyện C không phải chịu.

Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên UBND huyện C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1853/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Không chấp yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Th về việc hủy:

- Văn bản số 2524/UBND ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gửi cho hộ ông Lê Hữu Th, bà Đặng Thị B;

- Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hữu Th, cư trú ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Hữu Th được miễn. Hoàn lại cho ông Lê Hữu Th 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0048787 ngày 01/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn lại cho Ủy ban nhân dân huyện C 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0045434 ngày 10/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- ĐS (4);
- Lưu VP (3), HS (2).14b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng